TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 306/2022/QĐST-HNGĐ	*Mỹ Đức, ngày 10 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 296/2022/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: chị **Lê Thị D**, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Lai Tảo, xã B, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội

- *Bị đơn*: anh **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1985

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: thôn Lai Tảo, xã B, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Đức T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 12 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận giữa chị Lê Thị D và anh

Nguyễn Đức T cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị D và anh Nguyễn Đức T thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Nguyễn Ngọc Tuấn, sinh ngày 26/7/2012. Hiện tại cháu Tuấn đang ở với anh T. Anh, chị thỏa thuận thống nhất sau khi ly hôn chị D đồng ý tiếp tục giao con chung cháu Tuấn cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh T không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Lê Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

1.*3. Về tài sản chung, công nợ chung:* anh, chị trình bày không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

1.4.Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị D tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* chị đã nộp, số tiền còn lại 150.000đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* chị tự nguyện sung ngân sách nhà nước theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0039125 ngày 02/11/2022 tại Cơ quan thi hành án huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức;*
- *Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;*
- *UBND xã thực hiện việc đăng ký kết hôn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Lê Anh Tuấn